TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày: 18/6/2021
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tập và bà Vũ Thị Xuyến

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Nghĩa - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Uông Bí.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 18 tháng 6 năm 2021, tại Phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố Uông Bí, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2020/TLST - DS ngày 30/10/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-DS ngày 15/4/2021, số 04/2021/QĐST-DS và số 06/2021/QĐST-DS ngày 28/5/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Tiến D**, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ 3, khu 2, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Ngô Thị T**, sinh năm 1984. Đăng ký NKTT: Tổ 16A2, khu 5A, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chỗ ở khi khởi kiện: Tổ 1, khu 2, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chỗ ở hiện nay: Tổ 2, khu 2, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà **Phạm Thị H** - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Khởi Bình, Tộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh. Địa chỉ: Tổ 18, khu 3, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3. Người làm chứng: Anh **Nguyễn T**, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Tổ 14A, khu 4, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, anh Nguyễn Tiến D trình bày:

Anh và chị Ngô Thị T (bị đơn) có quan hệ là đồng nghiệp, làm cùng Công ty CP môi trường và công trình đô thị Uông Bí. Từ thời gian năm 2017, do chị T gặp khó khăn về tài chính để kinh doanh nên anh đã cho chị T vay tiền nhiều lần nhưng không làm Giấy vay tiền. Đến tháng 11/2019, chị T hỏi vay tiền nhưng anh không còn tiền nên anh và chị T bàn bạc là anh đi vay tiền tại Ngân hàng BIDV để anh cho chị T vay lại. Sau đó anh đã vay Ngân hàng số tiền 1 tỉ đồng và tiền của anh có thêm 290 triệu đồng để cho chị T vay, tổng số tính đến tháng 11/2019 anh đã cho chị T vay là 1.290.000.000đ. Bên cạnh đó, anh và chị T còn thỏa Tận chị T sẽ có trách nhiệm hàng tháng chuyển tiền cho anh để anh trả lãi Ngân hàng đối với số tiền gốc 1 tỉ anh đã vay Ngân hàng (tiền lãi là 6.300.000đ/tháng).

Thời gian sau đó, chị T có chuyển tiền trả lãi cho anh bằng hình thức chuyển tiền qua dịch vụ banking.

Tính đến thời điểm ngày 12/6/2020, chị T đã chuyển khoản trả nợ cho anh được số tiền gốc là 700 triệu đồng, còn thiếu 590 triệu đồng. Anh yêu cầu chị T trả nốt nhưng chị T không trả. Để xác nhận lại số tiền chị T còn nợ anh 590 triệu đồng, vào ngày 15/6/2020, anh đã soạn "*Giấy vay tiền*" và yêu cầu chị T ký nhận vào Giấy. Chị T đã ký nhận vào phần "*Bên vay*" của "*Giấy vay tiền*" ngày 15/6/2020.

Theo nội dung Giấy vay tiền ngày 15/6/2020 thể hiện:

- Số tiền gốc anh D cho chị T vay là 590 triệu
- Lãi suất: Tự thỏa Tận
- Thời hạn trả tiền: Không thể hiện
- Những thỏa Tận khác: Trả lãi theo tháng.

Từ sau khi ký "*Giấy vay tiền*", chị T tiếp tục chuyển tiền lãi (6.300.000đ) cho anh được thêm tháng 6 và tháng 7 năm 2020, sau đó chị T không chuyển nữa. Anh đã nhiều lần yêu cầu chị T trả toàn bộ tiền gốc và tiền lãi cho anh nhưng chị T không trả. Vì vậy anh khởi kiện với yêu cầu như sau:

- Buộc chị T phải trả cho anh số tiền gốc đã vay theo Giấy vay tiền ngày 15/6/2020 là 590 triệu đồng

- Buộc chị T phải trả tiền lãi trên số tiền gốc, mức lãi suất là 7,5%/năm. Thời gian tính lãi kể từ ngày 15/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/6/2021).

Ngoài ra anh D còn trình bày: Đối với "*Giấy vay tiền*" ngày 15/6/2020 do sơ ý nên đã để cháu của anh (khoảng 2 tuổi, cao 0,6m) xé rách thành nhiều mảnh. Sau

đó anh đã chụp ảnh gửi qua tin nhắn Zalo cho chị T để thử xem thái độ của chị T. Sau khi anh gửi hình ảnh Giấy vay tiền bị xé thì chị T không chuyển tiền lãi cho anh nữa. Hiện nay anh đã dùng băng dính để dính lại và đã giao nộp tại Tòa án.

Những tài liệu, chứng cứ anh D giao nộp kèm theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bao gồm:

- Giấy vay tiền ngày 15/6/2020 (tình trạng dán băng dính nhiều chỗ)

- Vi bằng ghi nhận nội dung tin nhắn Zalo trong điện thoại của anh và chị T nhắn tin cho nhau (Để chứng minh việc chị T vay 1.290.000.000đ và mới trả được 700 triệu đồng)

- Chi tiết giao dịch tài khoản Ngân hàng của cá nhân anh (Để chứng minh chị T chuyển tiền lãi 6.300.000đ)

- Sổ theo dõi giờ làm cán bộ nhân viên của Công ty CP môi trường và ông trình đô thị Uông Bí (Để chứng minh ngày 17/6/2020 chị T không đến Cơ quan)

Ý kiến trình bày của bị đơn, chị Ngô Thị T:

Chị và anh Nguyễn Tiến D làm cùng cơ quan như anh D đã trình bày là đúng và hai người có quan hệ tình cảm yêu đương với nhau từ năm 2013. Trong quá trình yêu nhau, anh chị thường giúp đỡ nhau về vấn đề tài chính, khi thì anh D cho chị vay tiền, khi thì chị cho anh D vay tiền. Việc chuyển tiền cho nhau lúc thì đưa tiền mặt, lúc thì chuyển bằng dịch vụ banking. Đối với "*Giấy vay tiền*" ngày 15/6/2020 anh D nộp tại Tòa án tuy đã bị xé và dán lại bằng băng dính nhưng chị thừa nhận nội dung của "*Giấy vay tiền*" là hoàn toàn đúng sự thật. Chữ ký trong mục "*Bên vay*" là chữ ký của chị.

Sau khi chị và anh D viết "*Giấy vay tiền*" nêu trên, hai ngày sau đó (ngày 17/6/2020) chị đã trả cho anh D toàn bộ số tiền 590 triệu đã vay. Địa điểm trả tiền tại phòng làm việc của chị tại Công ty CP môi trường và công trình đô thị Uông Bí, vào lúc khoảng 16h30 phút; không có ai làm chứng (vì tin tưởng nhau), hai bên cũng không viết Giấy trả tiền hoặc biên nhận về việc chị đã trả tiền. Việc chị có chuyển khoản bằng dịch vụ banking cho anh D số tiền 6.300.000đ như anh D khai là đúng, nhưng mục đích là do chị giúp đỡ tài chính cho anh D, không phải là trả tiền lãi Ngân hàng như anh D khai. Anh D có quan điểm chị chưa thanh toán cho anh số tiền 590 triệu là sai sự thật, vì vậy chị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh D.

Đối với việc anh D nộp tại Tòa án Sổ theo dõi giờ làm cán bộ nhân viên của Công ty, thể hiện ngày 17/6/2020 chị không đến Cơ quan là do chị được phân công trực tại Trung tâm hành chính công của thành phố Uông Bí nên chị không thể có mặt tại Cơ quan. Tuy nhiên, ngày hôm đó sau khi hết giờ trực tại Trung tâm hành chính công, khoảng 16h30 phút chị đã đến phòng làm việc Cơ quan gặp anh D và thanh toán tiền cho anh D.

Để chứng minh cho quan điểm của mình, chị cung cấp tài liệu, chứng cứ sau:

-Vi bằng ghi nhận tin nhắn Zalo giữa chị và anh D thể hiện trên máy tính cá nhân của chị (Để chứng minh anh D gửi cho chị hình ảnh "*Giấy vay tiền*" đã bị xé , thành nhiều mảnh, kèm tin nhắn của anh D: *"Đêm qua anh đã xé nó, toàn bộ số tiền này là của em")*

Người làm chứng anh Nguyễn T có quan điểm tại phiên tòa:

Anh có quan hệ là em rể của chị Ngô Thị T. Vào ngày 15/6/2020 chị T có hỏi vay anh số tiền 560 triệu đồng nói là để trả nợ anh D; anh đã đồng ý và cho chị T vay số tiền trên tại nhà của anh. Sau đó chị T trả tiền anh D như thế nào thì anh không được biết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có quan điểm:

- "*Giấy vay tiền*" anh D xuất trình đã bị rách, không được coi là chứng cứ theo quy định của pháp luật.

- Việc anh D khai "*Giấy vay tiền*" do cháu của anh xé trong khi cháu bé mới khoảng 02 tuổi, chiều cao khoảng 0,6m thì không có khả năng với lên bàn để lấy được tờ giấy.

- Tin nhắn Zalo anh D gửi cho chị T hình ảnh "*Giấy vay tiền*" đã bị xé thành nhiều mảnh, cùng nội dung: *"Đêm qua anh đã xé nó, toàn bộ số tiền này là của em"*

- Khoản tiền 6.300.000 đồng chị T chuyển banking cho anh D, anh D cho rằng là tiền chị T trả lãi cho anh, không phù hợp với tiền lãi tính ra của số tiền gốc 590 triệu (lãi của 590 triệu chỉ khoảng hơn 3 triệu)

- Người làm chứng anh Nguyễn T khai đã cho chị T vay 560 triệu đồng vào ngày 15/6/2020 để chị T trả cho anh D.

Từ những chứng cứ nêu trên, đủ căn cứ khẳng định chị T đã trả cho anh D số tiền đã vay 590 triệu đồng vào ngày 17/6/2020.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án, xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn giải quyết. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đảm bảo các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi của nguyên đơn về việc: Chị T phải trả cho anh D số tiền gốc 590 triệu đồng

- Không chấp nhận yêu cầu của anh D về việc buộc chị T phải trả tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp: Là tranh chấp về dân sự, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thời hiệu khởi kiện: Đảm bảo theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

- Ngày 14/4/2020 (sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử), bị đơn chị Ngô Thị T có Đơn đề nghị triệu tập thêm người làm là anh Nguyễn T tham gia tố tụng tại phiên tòa. Xét yêu cầu của chị là phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Xem xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Nguyên đơn anh Nguyễn Tiến D khai anh đã viết "*Giấy vay tiền*" ngày 15/6/2020 để xác định khoản tiền chị T còn nợ anh 590 triệu đồng. Chị T thừa nhận nội dung anh D khai là đúng và cũng thừa nhận nội dung Giấy vay tiền là sự thật; chị cũng thừa nhận chữ ký trong "*Giấy vay tiền*" là chữ ký của chị. Vì vậy, mặc dù Giấy vay tiền anh D nộp tại Tòa án đã bị xé, được dính lại bằng băng dính nhưng nội dung được chị T thừa nhận, Tộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự (Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh) nên đủ căn cứ xác định vào ngày 15/6/2020 giữa anh D và chị T đã xác lập Hợp đồng vay tiền với số tiền anh D cho chị T vay là 590 triệu đồng. Theo đó, các thỏa Tận khác về lãi, lãi suất, thời hạn vay thể hiện trong "*Giấy vay tiền*" là tự nguyện, khách quan, đúng sự thật, đúng ý chí của hai bên. Vì vậy "*Giấy vay tiền*" ngày 15/6/2020 đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của bên vay và bên cho vay.

[2.2] Về việc trả tiền: Chị T khẳng định đã trả toàn bộ số tiền đã vay cho anh D, nhưng không được anh D thừa nhận.

Xét thấy: Theo thỏa Tận trong Giấy vay tiền cũng như thỏa Tận miệng của hai bên không thể hiện việc khi chị T trả tiền cho anh D thì sẽ được xác nhận bằng hình thức gì. Quá trình giải quyết vụ án, chị T không xuất trình được chứng cứ, tài liệu về việc đã trả tiền cho anh D. (ví dụ: biên bản giao tiền, biên bản xác định đã trả hết nợ …)

Chứng cứ chị T đưa ra là tin nhắn Zalo anh D nhắn cho chị T gửi hình ảnh Giấy vay tiền đã bị xé kèm dòng tin: *"Đêm qua anh đã xé nó, toàn bộ số tiền này là của em"* không được anh D thừa nhận (nội dung tin nhắn thể hiện trong vi bằng là: "*Đêm qua anh đã xé nó, bây giờ là hành động của em*"). Nội dung tin nhắn cũng không thể hiện việc chị T đã trả tiền cho anh D. Mặt khác, giữa anh D và chị T không có thỏa Tận nào về việc nếu chị T trả tiền xong cho anh D thì anh D sẽ xé "*Giấy vay tiền*" đi. "*Giấy vay tiền*" chỉ là căn cứ để xác định việc hai bên đã xác lập quan hệ cho nhau vay tiền. Chị T cũng không giữ lại Giấy vay tiền sau khi đã trả tiền cho anh D.

Người làm chứng anh Nguyễn T xác nhận có cho chị T vay số tiền 560 triệu nhưng anh cũng không được chứng kiến việc chị T có dùng số tiền này để trả cho anh D hay không. Chị T khẳng định đã trả tiền cho anh D tại Phòng làm việc của Cơ quan; tuy nhiên không có ai chứng kiến.

Đối với các nội dung anh chị nhắn tin Zalo qua lại cho nhau (đã lập vi bằng) có một số tin nhắn thể hiện việc anh chị chuyển tiền cho nhau. Tuy nhiên xét anh chị có mối quan hệ bạn bè tình cảm từ lâu, anh chị cũng xác nhận đã nhiều lần cho nhau vay tiền và giúp đỡ nhau về tài chính. Mặt khác tin nhắn cũng không thể hiện liền mạch từng sự việc và ngoài ra anh chị còn có thể giao dịch trực tiếp với nhau, vì vậy không có cơ sở để đánh giá chính xác nội dung các tin nhắn.

Ngoài ra chị T không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho quan điểm của mình, vì vậy, không đủ cơ sở để kết luận chị T đã trả tiền cho anh D số tiền 590 triệu tại phòng làm việc của chị như quan điểm của chị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị. Việc anh D khởi kiện yêu cầu chị T phải trả số tiền gốc 590 triệu đồng đã cho chị vay là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu trả lãi:

Xét thấy: Nội dung Giấy vay tiền có thỏa Tận về việc trả lãi (ghi: Trả lãi theo tháng), nhưng không thỏa Tận mức lãi suất cụ thể (chỉ ghi: lãi suất tự thỏa Tận) và không thỏa Tận về thời hạn trả nợ nên Tộc trường hợp là Hợp đồng vay không kỳ hạn có lãi theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự.

[2.4] Về tiền lãi: Trong "*Giấy vay tiền*" hai bên không xác định rõ về lãi suất; Tộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Anh D yêu cầu chị T phải trả lãi với mức lãi suất là 7,5%/năm. Xét thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất trong trường hợp này sẽ được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 (không được vượt quá 20%/năm); tức là không được vượt quá 10%/năm. Anh D yêu cầu tính lãi suất là 7,5%/năm là đảm bảo nên được chấp nhận.

Vì vậy, số tiền lãi chị T phải trả:

-Tổng thời gian chị T vay tiền tính từ ngày 15/6/2020 cho đến 18/6/2021 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 369 ngày

- 7,5%/năm/365 ngày = 0,02054795/ngày

- 369 ngày x 590 triệu x 0,02054795 = 44.734.000đ

- Tổng tiền gốc + lãi là: 590 triệu + 44.734.000đ = 634.734.000đ

Như vậy, tổng số tiền chị T phải thanh toán cho anh D là: 634.734.000đ

Từ những nhận định trên đây, xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định. Số tiền án phí chị T phải chịu là: 20.000.000đ + (3% x 234.734.000đ) = 27.042.000đ.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 150, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí của Uỷ ban thường vụ quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Tiến D**.

2. Buộc chị Ngô Thị T phải trả cho anh Nguyễn Tiến D số tiền gốc: 590.000đ (năm trăm chín mươi triệu đồng), tiền lãi: 44.734.000đ (bốn mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi tư nghìn đồng). Tổng số tiền gốc và tiền lãi chị Ngô Thị T phải trả cho anh Nguyễn Tiến D là: **634.734.000đ** (sáu trăm ba mươi tư triệu, bảy trăm ba mươi tư nghìn đồng)

3. Về lãi suất chậm trả: Trong trường hợp chị T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/6/2021) cho đến khi thi hành án xong, chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu 27.042.000đ (hai mươi bảy triệu, không trăm bốn mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Anh Nguyễn Tiến D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại anh Nguyễn Tiến D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.022.000đ (mười bốn triệu, không trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai T tiền tạm ứng án phí số 0003581 ngày 30/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND TP Uông Bí;
-TAND tỉnh Quảng Ninh;
-Chi cục thi hành án DS TP Uông Bí;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Giang Thanh